TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2020
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Quốc Khanh;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Thanh Hùng - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Chau M, sinh năm 1980, nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Đặng Hoàng T – Trưởng phòng Phòng giao dịch Tịnh Biên, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Châu Đốc. Địa chỉ văn phòng: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. *Đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Thanh L – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tịnh Biên, vắng mặt.

Bà Phan Thị Kim O, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ 14, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh A, vắng mặt.

Bà Thái Mai Tr, sinh năm 1973, nơi cư trú: số 434 Thủ Khoa Huân, phường C, thành phố C, tỉnh A, vắng mặt.

Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1957, nơi cư trú: khóm 6, phường C, thành phố C, tỉnh A, vắng mặt.

Bà Neàng Si N, sinh năm 1967, nơi cư trú: tổ 3, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, nơi cư trú: ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: Ông Lục Tà D – Cán bộ Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ông Chau M trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà P chung sống từ năm 1994, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng gần đây xảy ra mâu thuẫn cải vã, nguyên nhân từ việc làm ăn thua lỗ. Hiện nay ông và bà P không còn chung sống với nhau, nên yêu cầu được ly hôn với bà P.

Về con chung: có 02 con chung tên Chau N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996, đã trưởng thành và Chau Thị N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002, ông yêu cầu được quyền nuôi con chung Chau Thị N1 và không yêu cầu bà P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại chi nhánh Châu Đốc, phòng giao dịch huyện Tịnh Biên số tiền 189.924.255 đồng; Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tịnh Biên số tiền 31.000.000 đồng; Bà Thái Mai Tr số tiền 55.000.000 đồng; Bà Trần Thị Kim N số tiền 15.000.000 đồng. Các khoản này ông yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông, còn các khoản nợ theo bà P trình bày ông không rõ nên không thừa nhận.

- *Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, trong quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị P có ý kiến trình bày như sau*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P thống nhất theo lời trình bày của ông M, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông M. Tuy nhiên, bà yêu cầu ông M phải cùng có trách nhiệm trả nợ chung thì bà mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Chau N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996, đã trưởng thành và Chau Thị N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002, bà

thống nhất giao Chau Thị N1 cho ông M nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại chi nhánh Châu Đốc, phòng giao dịch huyện Tịnh Biên số tiền 189.924.255 đồng; Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tịnh Biên số tiền 31.000.000 đồng; Bà Thái Mai Tr số tiền 55.000.000 đồng; Bà Trần Thị Kim N số tiền 15.000.000 đồng. Ngoài ra, còn nợ bà Phan Thị Kim O số tiền 57.000.000 đồng; Bà Neàng Si N số tiền 180.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng, bà yêu cầu ông M có trách nhiệm trả khoản nợ chung này.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Đại diện Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Bà Phan Thị Kim O, Bà Thái Mai Tr, Bà Trần Thị Kim N, Bà Neàng Si N, Bà Nguyễn Thị H đều cùng ý kiến không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án này.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà P không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M, mà không công nhận quan hệ vợ chồng.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Chau N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, đối với Chau Thị N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002 ông M và bà P thỏa thuận nuôi con chung và không cấp dưỡng, do đó giao cho ông M quyền nuôi con chung Chau Thị N1.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Theo lời khai của hai bên vợ chồng có nợ chung, tuy nhiên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu giải

quyết trong cùng vụ án này. Do đó, giành quyền khởi kiện cho họ bằng vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Chau M vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị P có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông Chau M và bà Nguyễn Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì "*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*". Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Chau M và bà Nguyễn Thị P theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Chau N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 đã trưởng thành nên không xem xét, đối với Chau Thị N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002, ông M và bà P thỏa thuận nuôi con chung, do đó giao cho ông M quyền nuôi con chung Chau Thị N1.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo lời khai của ông M và bà P có nợ chung, tuy nhiên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này. Do đó, giành quyền khởi kiện cho họ bằng vụ án khác.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, mà không công nhận quan hệ vợ chồng của ông M bà P là có cơ sở.

[3] Về án phí: Ông Chau M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Chau M đối với bà Nguyễn Thị P.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Chau M và bà Nguyễn Thị P.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Chau Thị N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002 cho ông Chau M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Chau M cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị P quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Giành quyền khởi kiện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bằng vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Chau M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số: TU/2016/0014691 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông M đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ